

NHÓM TÔN GIÁO THIỂU SỐ, NHÓM TÔN GIÁO BÊN LỀ: TRƯỜNG HỢP CỦA CÁC PHONG TRÀO TÔN GIÁO MỚI

FRANOISE CHAMPION^(*)

Nhóm từ "nhóm tôn giáo thiểu số", "nhóm tôn giáo bên lề" do các nhà tổ chức cuộc hội thảo đã chọn là rất thích hợp để khoanh lại một vấn đề đang tác động và gây chia rẽ trong các nhà xã hội học: Phải chăng ngày nay người ta vẫn đang còn đối diện với những nhóm tôn giáo thiểu số được hiểu một cách cổ điển? Đối với tôi, nhóm từ nói trên lại đặc biệt phù hợp bởi chúng trùng hợp với những phân tích của tôi cho rằng một số trong những nhóm "bất tuân phục" là những nhóm tôn giáo thiểu số và một số khác là những nhóm "ngoài lề", những hỗn hợp "tạp chủng", những mảnh rời của những tôn giáo đã bị phân rã, không còn thể hiện một nội dung tôn giáo, ít ra là thứ tôn giáo được định nghĩa cách cổ điển ở Châu Âu. Đó chính là lĩnh vực mà tôi hiểu biết nhiều hơn, và, ngoài ra đó còn là xu thế chính của những biến chuyển trong lĩnh vực tôn giáo mà tôi sẽ tập trung trình bày trong tham luận của mình.

Chúng tôi nghĩ nên dùng nhóm từ "bất tuân phục", thay cho nhóm từ N.M.R (Phong trào tôn giáo mới: Nouveaux Mouvements Religieux) bởi đó là nhóm từ đúng chủng loại, cho phép ta hình dung được toàn bộ các tôn giáo không quy ước và chỉ đích danh chúng như: giáo phái Cơ Đốc Phục Lâm, giáo phái Những chứng nhân của Jehovah, giáo phái Mormons, v.v... mà người ta có thể định nghĩa chính xác là các "nhóm tôn giáo thiểu số"; chúng có thể được xếp vào khung phân loại của Weber - Troeltsch, trong phân loại hình giáo phái.

N.M.R là nhóm từ được dùng ở phương Tây kể từ khúc ngoặt những năm 1960 - 1970 khi xuất hiện ở Châu Âu (sớm hơn một chút ở Mỹ) một loạt các nhóm tôn giáo mới được gọi với cái tên đặc chủng là "Những phong trào tôn giáo mới", một tên gọi đích thực để chỉ sự lan tràn của các tôn giáo "nước ngoài" vào phương Tây. Nhóm từ N.M.R là tiện dụng song rất không rành mạch và lại còn mơ hồ. Đó là vì nó trộn lẫn hai yếu tố: Một bên là tập hợp các đặc điểm của những phong trào nổi trội, những tôn giáo đang nảy sinh, còn bên kia là một chùm các nhóm chưa từng thấy xuất hiện trong lịch sử và thấy ngay là khó có thể gọi chúng là giáo phái theo định nghĩa trong bảng phân loại của Weber - Troeltsch. Cùng với thời gian sự lẫn lộn giữa tính "nổi trội" và tính "chưa từng thấy" được thể hiện khá rõ ràng. Về phần tôi, khi nói về N.M.R tôi chủ yếu nói về tính chưa từng thấy của chúng.

Những phong trào tôn giáo mới, là những phong trào tôn giáo biến dịch^()**

Cho đến những năm 1960, phần lớn các nhóm đang phát triển đều mang dấu ấn của truyền thống Kitô giáo và có thể được đem xếp vào khung phân loại của Weber - Troeltsch về các tổ chức tôn giáo, đặc biệt là quy vào chủng loại giáo phái (bao gồm cả các nhóm nằm ở trong lòng của Giáo hội Công giáo, tỉ như các dòng mà, theo từ ngữ của J. Séguier, có thể gọi là "giáo phái giáo

*. NCV, Trung tâm XHH Tôn giáo và thể chế thể tục, Pháp

** . Những sự phân tích này được tiến hành chung với Louis Hourmant.

huấn"). Những nhóm mới phát triển ở Châu Âu từ bước ngoặt những năm 1960 - 1970 đánh dấu một sự đoạn tuyệt đối với các quy ước về cõi phúc, về thủ lĩnh, về tổ chức, về quan hệ trên thế giới, những quy ước cấu thành truyền thống Kitô giáo cũng như sự phân loại của Weber và Troeltsch; chúng không liên quan gì với chủng loại giáo phái. Những sự cách biệt giữa các nhóm mới này với chủng loại giáo phái không thể được coi như những sự cách biệt của thực tế kinh nghiệm so với hình mẫu lí thuyết. Làm sáng tỏ một cách rõ ràng khoảng cách của những sự khác biệt này sẽ giúp ta hiểu được tính mới mẻ của chúng.

Trong cách sắp loại của Weber và Troeltsch, vấn đề đạo đức được coi là cơ bản; Điều này nằm trong sự quy chiếu về chính ngay những nội dung của Kitô giáo vốn đặt đạo đức ngay ở trung tâm của thông điệp của mình về cõi phúc và đã từng phải đấu tranh một cách thường xuyên và gay gắt với tất cả những gì ở ngay trong lòng nó mà có thể coi là gắn gũi với thuyết ngộ đạo thần bí. Kitô giáo (chính thống) coi trọng đạo đức hơn sự hiểu biết, lòng tin hơn kiến thức. Đó là một lỗi chứ không phải là một sự kém hiểu biết chứng tỏ sự thiếu hoàn hảo của con người. Chính theo chiều hướng đó mà Weber phân biệt chủ nghĩa tiên tri đạo đức, trong đó nhà tiên tri là kẻ chuyển tải một thông điệp đạo đức, với chủ nghĩa tiên tri mô phạm trong đó kinh nghiệm của chính nhà tiên tri chỉ ra cho các tín đồ con đường phải noi theo. Vào thời điểm này có khá nhiều phong trào tôn giáo mới thuộc về chủ nghĩa tiên tri dạng mô phạm chứ không phải dạng đạo đức; hoặc là chúng thành lập những chi nhánh ít nhiều Âu hoá của các tôn giáo phương Đông (chủ yếu là đạo Hindu và đạo Phật), hoặc là chúng nêu lên một mô hình về cõi phúc cực kì thần bí theo chiều hướng là phải tìm đến một kinh nghiệm về chân lí tuyệt đối của bản chất thế giới: một "sự thức tỉnh" một "sự soi sáng"

nào đó... Để đạt được một kinh nghiệm như thế, thì thường là không chỉ phải khởi đầu bằng những hiểu biết "khác hơn" là những hiểu biết lí tính hiện đại mà còn phải tạo ra được một sự chuyển biến bên trong nhờ vào các phương pháp "tinh thần"... và tâm lí - tinh thần; đó là một nhân tố cốt yếu của tình huống mới.

Những kinh nghiệm ấy căn bản mang tính cá nhân bởi chúng xảy ra ở bên trong ý thức. Những nhóm tôn giáo được thành lập dựa trên một chủ nghĩa tiên tri dạng mô phạm, chủ yếu mang dấu ấn của chủ nghĩa cá nhân; điều đó sẽ tự động làm giảm mạnh tác dụng của phong trào tôn giáo. Phong trào này, trái ngược với giáo hội hay giáo phái, không thể mở ra cánh cửa của cõi phúc; nó chỉ đơn giản là nơi mà một ông thầy, một guru (giáo chủ đạo Hindu), giảng dạy cho một tập hợp các tín đồ được liên kết với nhau bởi các mối liên hệ dọc với ông thầy chứ không phải bởi các mối liên hệ ngang giữa họ với nhau. Như vậy, ở đây người ta bắt gặp các điều đối nghịch với quan niệm về con dân của Chúa, hiện diện trong ba loại hình tổ chức Công giáo như đã được xác định trong sự phân loại Weber - Troeltsch; đó là Giáo phái, Giáo hội và cũng còn là mạng lưới - Thần bí, đại diện cho Giáo hội vô hình.

Đã hẳn là, chủ nghĩa cá nhân căn bản của khá nhiều nhóm tôn giáo mới không hề ngăn trở các nhóm, đúng hơn là đời sống của nhóm hoặc theo nhóm, trở nên rất quan trọng. Nhưng cái lô gích của những sự tập hợp theo nhóm này không mang tính tôn giáo. Đó là những nhóm có những mối quan hệ tương đồng, và trong phần lớn các trường hợp được cấu thành xung quanh một thủ lĩnh có ơn đặc sủng, được hưởng một quyền lực lớn ở những mức độ khác nhau, trong đó thành tố cảm xúc mang tính quyết định. Ở đó, còn là một phương thức hợp quần đồng điệu với các hình thức của các tập hợp có

những quan hệ tương đồng đương đại hơn là với những tập hợp theo phương thức tổ chức mang tính tôn giáo điển hình. Những nhóm này tiến hành một cuộc xã hội hoá trong niềm tin của nhóm gồm các nội dung của tín ngưỡng, các quan hệ tình cảm, những tiêu chuẩn ứng xử, cử chỉ, v.v..., và ngay cả một cuộc kiểm tra ít nhiều gay gắt đối với niềm tin đó. Những nhóm này còn tiến hành xây dựng một thiết chế cho một bản sắc nhóm dựa theo những động năng tâm lý - xã hội đặc trưng cho đời sống của các nhóm, đúng hơn là các dạng nhóm (tuỳ thuộc vào hình thức tổ chức của chúng, vào sự tập trung các tín ngưỡng hay các phương thức của sự phát triển cá nhân, phương pháp tâm lý trị liệu, phương pháp chữa bệnh, v.v...) trong tình huống hiện tại của một xã hội các cá thể bất định.

Hẳn không phải là vô ích khi nhắc lại rằng cái chủ nghĩa cá nhân ấy không có nghĩa là sự "tự trị" hiểu theo nghĩa triết học và / hay, tâm lý học; đó rõ ràng là sự phủ nhận mọi quyền lực ở bên trên quyền lực cá nhân (hay của nhóm hạn hẹp), mọi sự kiểm soát mang tính pháp định đối với các tín ngưỡng; đó chính là một thứ chủ nghĩa cá nhân cho phép một "sự chấp vạ" tối đa; Nó cho phép được tuỳ ý nhất nhặn trong các truyền thống tôn giáo đã được tạo thành như cái bồn chứa các "tài nguyên" khác nhau và tiến hành các cuộc sắp đặt tự do và mang tính hỗn thành giữa nhiều tôn giáo, kể cả giữa tất cả các tôn giáo. Vậy là sự tự trị này nói chung được tiến hành nhân danh sự hội tụ giả định của các truyền thống tinh thần khác nhau. Ở đây Mandarom là một ví dụ tốt từ phía các "giáo phái".

Các phong trào tôn giáo mới công khai bác bỏ hoặc không thừa nhận cái "ý tưởng" trung tâm trong truyền thống Công giáo (bắt đầu từ quan niệm về một Đức Chúa siêu việt) về phục tùng ý Chúa, về phép lạ, về ân sủng. Các phong trào tôn giáo mới đề cao

trách nhiệm cá nhân, không phải là trách nhiệm của loại hình giáo phái dựa vào sự tôn trọng ý chí và sự sai khiến của Chúa, mà là trách nhiệm xây dựng tích cực cho chính cuộc sống của mỗi người. Sự thành công lớn của sự quy chiếu về thuyết luân hồi và về nghiệp quả trong hầu hết các phong trào tôn giáo mới, phần lớn là gắn kết với những ý tưởng về trách nhiệm và sự khuyến khích hành động mà sự quy chiếu đó ngầm hướng tới; đó là sự thúc giục phải dám đối mặt và làm biến đổi những khó khăn mà số phận khiến con người sớm hay muộn sẽ gặp phải.

Trong sự hướng về trách nhiệm và hành động này, sự can thiệp của cái vô hình thực sự mang hình thức ma thuật; đó là quyền lực, toàn bộ quyền lực màu nhiệm. Trái với sự độc đoán của phép lạ, ma thuật dựa trên một cách nhìn vừa mang tính ý chí luận vừa mang tính quyết định luận. Theo cách nhìn của các tín đồ, thì cái chủ nghĩa quyết định luận này dường như có thể quy về quyết định luận của khoa học; vậy là người ta được chứng kiến những sự liên kết khác nhau giữa khoa học và ma thuật, cái huyền diệu đang hướng về cái cận khoa học.

Một điều mới lạ căn bản khác của khá nhiều phong trào tôn giáo mới, là sự hiện diện, thường là rất rõ nét của môn "tâm lý học". Ở tất cả những trào lưu tâm lý học thực hành này, nếu không mang xu hướng bệnh lý trị liệu, thì chí ít cũng mang xu hướng biến cải cá nhân; khác với môn phân tâm học và các phương pháp tâm lý học đích thực, trào lưu tâm lý học thực hành này bảo đảm ít nhiều chắc chắn rằng người ta có thể vượt qua được những giới hạn của con người, vượt qua được bệnh tật, đau đớn và thất bại bằng cách dựa trên một "luơng tri tối linh của con người", một "năng lực tinh thần".

Người ta nhận thấy trong các phong trào tôn giáo mới ngày nay một sự vượt quá giới hạn cơ bản của tôn giáo, cả từ khía cạnh ma thuật lẫn khía cạnh tâm lý; nhóm này, nhóm

khác nghiêng về mặt này hay mặt khác, nhưng cả hai xu hướng luôn luôn có thể ít hoặc nhiều hoà trộn với nhau, đan xen với nhau. Như vậy, người ta nhận thấy trong các nhóm ma thuật những sự thực hành mà người ta có thể coi là hoặc liên quan đến một trong hai thứ là tâm lí học và ma thuật, hoặc là biểu hiện của một sự tâm lí hoá những thực hành ma thuật. Ví dụ, trong OTS (Ordre du Temple Solaire: Dòng Đền Mặt Trời) thấy có sự tập trung tâm linh, sự hô hấp có ý thức hay là sự tập luyện môn từ khí học cá nhân; Cũng như thế, các cuộc du hành giữa các vì tinh tú của cặp Meurois - Givandan nổi tiếng (ở nhiều cuốn sách được dịch ra nhiều thứ tiếng) phải được thực hiện bằng cách phát triển một nội cảm về tình yêu nhờ vào một số kĩ năng cận tâm lí, ví dụ khả năng nhìn thấy được vật vô hình. Đó cũng còn là kinh nghiệm của Castaneda, biểu tượng cho cả nền văn hoá đối nghịch của những năm 1970 cũng như của "đám tinh vân huyền bí - bí truyền" mà tôi đã nghiên cứu. Những bài dạy của thầy phù thuỷ saman Yaqui Don Juan, như Castaneda đã truyền đạt, chỉ có thể định tính một cách khó khăn và tương đối gần với sự thật nhất là một thứ "tâm lí - ma thuật". Cái cách "kết cấu" hỗn thành đem trộn lẫn tôn giáo, ma thuật, viện dẫn khoa học, tâm lí với nhau này từ nay đã trở thành rất phổ biến.

Lí do cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng mà tôi dựa vào để cho rằng chúng ta không thể xác định các phong trào tôn giáo mới nằm trong bảng phân loại Weber - Troeltsch, là ở mối quan hệ của chúng với thế giới. Những phong trào tôn giáo mới không hề thực thi một sự phủ nhận sạch trơn đối với toàn thể xã hội như trường hợp của các "giáo phái cũ". Các giáo phái này tiếp sức thêm cho sự phủ định thế giới mà chúng đánh giá theo nguyên lí của Kitô giáo. Và, Công giáo đã có phần gắn với sự chối bỏ thế giới. Quả thật là các Giáo hội Công giáo đã từng có lúc trải qua một cuộc

hoà giải với thế giới, song lí tưởng của chúng thì lại xa rời thế giới. Và chẳng lí tưởng ấy lại được thực thi bởi những nhân vật kì vĩ trong giới tu hành (biệt tu sĩ, giáo sĩ) và cũng thấm sâu vào toàn bộ não trạng Công giáo. Đúng là do một số phương diện nào đó của mình mà một nhóm Công giáo nào đó - kể cả nhóm thuộc loại hình giáo phái - có thể tỏ ra có mối quan hệ tương đồng với xã hội đang thống trị. Nhưng sự thoả hiệp đó luôn luôn chỉ ở từng bộ phận hay/và không tự nguyện, giống như sự tương đồng nổi tiếng giữa các giáo phái thế phản với tinh thần của chủ nghĩa tư bản, một sự tương đồng thực ra có liên can đến "những hiệu quả không mong muốn", và cái thế giới đã bị hạ thấp giá trị rất nhiều, nay chỉ còn là một phương tiện để hành động tích cực cho niềm vinh quang của Chúa. Tình hình diễn ra khác hẳn đối với khá nhiều nhóm của hôm nay đang đi rất xa trong việc thừa nhận thế giới hiện đại cùng với những lí tưởng và những giá trị của nó. Quả thực, chúng thường nhằm tạo thuận lợi để thành viên của họ hội nhập vào xã hội tổng thể bằng cách cung cấp cho họ các phương tiện (ma thuật, ma thuật - tôn giáo, tâm lí), động viên mọi tiềm lực cá nhân để "thành công" và "sống hạnh phúc". Làm như vậy, họ rời xa được mô hình quy ước ở phương Tây của nhà tu hành và rõ hơn là của nhà tu hành giáo phái. Có khá nhiều nhóm hiện nay đi khá xa trong việc tiếp nhận thế giới hiện đại (thậm chí ngay cả với các phương diện "lệch hướng" và nhất là các phương diện "cuồng tín" của chúng tới mức chúng tỏ ra không chỉ là "thâm nhập thế giới" mà còn là "yêu chuộng thế giới" nếu như cách dùng từ mới này được chấp nhận. Như vậy, với ví dụ của môn học về các khoa học hay Soka Gakkai, ngoài việc tìm cách đem lại sự thành công xã hội cho các tín đồ, chúng còn tìm cách thu nhận được một sức mạnh kinh tế và xã hội, một sự hợp thức hoá trong xã hội, và mưu toan

chiếm được những quyền lực công cộng, những không gian xã hội và những ưu đãi về tài chính. Vậy là người ta đang đứng trước những đối cực của sự thoái lui cực đoan cổ điển.

Sự "thích nghi" với thế giới hiện đại cũng còn được thể hiện trong việc hàng hoá hoá các hoạt động do nhiều phong trào tôn giáo mới đề xuất. Đó chính là trường hợp, tuy không phải là đặc biệt, của các nhóm hỗn thành, trộn lẫn các "chất liệu" tôn giáo, tâm lí, ma thuật với nhau. Một khi thấy xuất hiện một thủ lĩnh đặc sủng thì cùng lúc người ta cũng chứng kiến sự hoà trộn giữa cái lô gích đặc sủng và cái lô gích thương mại. Do đó mà khi nói về chủ nghĩa Rajneesh, Hugh Urban đã nhấn mạnh rằng "thật rõ ràng là cái tinh thần tư bản chủ nghĩa không chỉ đơn giản là một sức mạnh áp bức bóp nghẹt tôn giáo đặc sủng; hoàn toàn ngược lại, những hình thức và cấu trúc của chủ nghĩa tư bản cũng còn có thể, dưới những hình thức khác nhau, được thích nghi, sắp đặt và hướng về lợi ích cho một số đông các phong trào tôn giáo đặc sủng"⁽¹⁾.

Vậy là loại hình phong trào tôn giáo mới này đã khiến chúng ta phải xem xét lại những cách sắp xếp quen thuộc của chúng ta về chủ điểm tôn giáo, về tâm lí liệu pháp, về khoa học, kể cả quan niệm của chúng ta về tôn giáo, nếu không được coi như thực sự vô tư thì chí ít cũng đứng ngoài những cái lô gích thực sự mang tính chất hàng hoá; tóm lại, chúng ta đã "đi ra ngoài" tôn giáo, thứ tôn giáo như những người phương Tây chúng ta đã từng định nghĩa.

Tất cả những đặc điểm này không hề mang tính điển hình cho những nhóm rất hạn chế mà người ta có thể dễ dàng xác định là những nhóm ít nhiều đóng kín, "cực đoan". Chúng còn thể hiện rõ nét hơn trong cái địa bàn rộng lớn của toàn bộ sự sùng đạo "song hành": Một sự sùng đạo chệch hướng so với các tôn giáo đã được thiết lập cũng như so với khoa học, với tâm lí học

đích thực (đó là cái "môi trường thờ cúng", từ ngữ thường dùng rất quen thuộc của Colin Campbell). Vậy mà toàn bộ lòng sùng đạo song hành đó đã nuôi dưỡng các phong trào tôn giáo mới. Thực vậy, cái nền cận văn hoá của các tình cảm sùng đạo cùng lúc song hành ấy cho phép các nhóm mới ra đời, xuất phát từ sự kết tinh của một vài mạng lưới, có tác dụng gây dựng uy tín cho mỗi nhóm đặc trưng, hình thành nên vườn ươm để lựa chọn. Vậy nên, Luc Jouret, một trong hai thủ lĩnh của Dòng Đền Mặt Trời nổi tiếng ảm đạm, là một thầy thuốc đồng chủng trị liệu, một thuyết trình viên quyến rũ và rất được tin tưởng, là một gương mặt rất quen thuộc của nền cận văn hoá đó. Tuy nhiên, về chủ điểm này, người ta nhấn mạnh rằng "sự thu hoạch" của những đợt tuyển chọn cho Dòng Đền Mặt Trời là rất kém; hiếm có người đã tham gia vào nền cận văn hoá này lại muốn dần thân sâu hơn và ổn định hơn vào các nhóm tỏ ra đóng kín và mang tính cưỡng chế. Điều chắc chắn là chính ở trong cái mà tôi gọi là "đám tinh vân huyền bí - bí truyền", mà Luc Jouret "đã xoay chuyển" (trong mọi trường hợp, y vẫn là khuôn mặt quen thuộc của đám tinh vân huyền bí - bí truyền). Cái đám tinh vân huyền bí - bí truyền này, lĩnh vực nghiên cứu đặc trưng "của tôi", là một tập hợp nhỏ các tình cảm sùng đạo song hành. Một mặt nó được gắn kết với tình hướng xã hội và tôn giáo đặc trưng của sự phát triển các phong trào tôn giáo mới những năm 1970, được đánh dấu bằng sự nhạy cảm ngoại văn

1. Hugh B. Urban đã nói như thế về "sự thương mại hoá của tôn giáo đặc sủng" chứ không chỉ là một sự trì trệ của sự đan xen hạn hẹp, ngay trong lòng của phong trào do Shri Rajneesh ở Ấn Độ, rồi ở Oregon, của một không gian đặc sủng và một tầng lớp quý tộc dường như rất có ý thức để bán một sản phẩm cho tín đồ. Xem Weber (1996) *Zorba the Buddha: capitalism, Charisma and the culte of Bhagwan Shree Rajneesh*, Religion - An international Journal, 26/2, 161- 62.

hoá mà nó được gắn bó từng phần. Mặt khác, các tín đồ gia nhập vào các mạng lưới khác nhau đã tạo lập nên nó, đều là những "nhà tu hành" theo phương pháp tâm lí - tinh thần nào đó để biến đổi cái bên trong "tâm linh" (yoga tinh thần, thiền, xuất thân, thư giãn, v.v...).

Những sự chuyển dịch của hoàn cảnh xã hội - tôn giáo và biểu tượng Pháp (và Châu Âu) mà các phong trào tôn giáo mới vừa là diễn viên, vừa là sản phẩm

Sự phát triển đồ sộ của toàn thể nền văn hoá của những tình cảm sùng đạo song hành bắt đầu từ cách đây khoảng gần 30 năm, và từ đó không ngừng tăng tiến. Nó được gắn trực tiếp với sự mất quyền lực kép của hai thế lực chuẩn mực của chân lí: giáo hội (ở Pháp chủ yếu là Giáo hội Công giáo) và khoa học.

Giáo hội Công giáo đã không còn toả rộng ảnh hưởng ra xã hội. Ở Pháp, những người "không tôn giáo" lúc này chiếm khoảng 40% những người thuộc thế hệ mới (cho đến tuổi 35) và 5% trong số họ là những "tu sĩ dòng tu". Cho đến những năm 1960, sự tục hoá các thể chế chỉ dẫn đến một cách không đáng kể sự thoát li tín ngưỡng và sự phi Công giáo hoá trong tâm trí; ngày nay sự hoà nhập của Công giáo vào xã hội chỉ giới hạn trong một thiểu số trẻ em. Và chính vào thời điểm hiện nay đang xuất hiện sự khởi đầu của một sự đoạn tuyệt trong sự tiếp nối thế hệ và trong sự bền chặt mang tính lịch sử của xã hội chúng ta. Sự đổ vỡ ấy còn dễ cảm thấy và nổi rõ tới mức đã phải cầu viện tới tôn giáo để cân đối lại các hiệu quả của sự đổ vỡ trong sự tiếp nối của thời gian, trong "dây xích của các thế hệ" đang nằm trong ngay chính cái nguyên lí của sự hiện đại hoá. Nền "văn minh xứ đạo" thể hiện không chỉ ở nhà thờ mà ngay cả nghĩa địa, ở chính trung tâm của làng, đã từng tạo nên nền móng địa lí, địa phương và hơn nữa có thể còn là một cái mốc lịch sử, đã trở nên thực sự mờ nhạt vào những năm 1960. Chính cái đó, kể từ nay đã đổ vỡ.

Sự mất quyền uy của giáo hội thể hiện ở chỗ các giáo hội ngày nay không còn như trước đây (tuy không phải là thường xuyên) ở vào thế đối đầu với chủ nghĩa vô thần, thuyết bất khả tri hay của thuyết duy lí, nhưng lại đang đối đầu với một sự sùng đạo hỗn độn, phù phiếm, "tùy ý", dựa trên sự tìm kiếm cá nhân, sự chọn lựa tùy tiện và rộng mở để đón nhận tất cả các "thuyết phi chính thống" như luân hồi, thấu thị, chiêm tinh, giao lưu với các thần linh và các vật thể siêu nhiên đủ loại. Tất cả các "niềm tin" này không những chỉ là phi chính thống so với Kitô giáo mà còn ngay cả so với khoa học (có thể nói một cách căn bản như thế nếu như sự so sánh có ít nhiều không bị thiếu nghĩa). Nói thế có nghĩa là khoa học cũng bị hoài nghi về tham vọng nói lên sự thật. Những chân lí mà nó sản sinh ra từ nay được coi như chỉ có giá trị tương đối, gắn kết với những nguyên lí liên quan đến một môn lô gích học biện giải. Cần phải nhấn mạnh nhằm tránh những sự phỏng đoán sai lầm rằng, nếu khoa học cũng như tôn giáo không được coi như là những quyền lực chuẩn mực của chân lí, thì hoàn cảnh của chúng cũng không vì thế mà có tính đồng nhất hoặc đối xứng.

Trong bối cảnh như thế, ý tưởng về những quan niệm đúng bị nhòe đi trước những tín ngưỡng thực tế và có ích mang tính cá nhân. Trong lĩnh vực tín ngưỡng, thời điểm hiện nay thực sự là thuộc về sự khẳng định quyền tối thượng của kinh nghiệm cá nhân và của chủ nghĩa thực dụng; trước hết phải xét xem cái tín ngưỡng ấy có thể đem lại cái gì có ý nghĩa như sự an ủi, sự khuyên nhủ, ý nghĩa của cuộc sống, tóm lại là cho sự tốt đẹp hơn. Thế là, cái ý nguyện phải cầu viện đến một Chủ thể duy nhất, khác thường, đã đưa các tín ngưỡng thoát li khỏi mọi sự điều chỉnh của thể chế, của mọi sự bình luận, mọi sự đối đầu.

Sức mạnh của chủ nghĩa cá nhân giờ đây sẽ giống như từ nay người ta thấy các tín đồ Công giáo rất sùng đạo (nhất là giới trẻ nhưng

không chỉ có họ) đi "nhặt nhạnh" bằng cách vay mượn những tín ngưỡng và những phương thức thực hành từ những truyền thống tôn giáo khác. Và, người ta cũng thấy trong họ sự phát triển của những tín ngưỡng song hành.

Tất cả cái đó kéo theo một sự nhiễu loạn xã hội về tôn giáo, kể cả một sự tái định nghĩa nào đó về cái gì là có tính tôn giáo, cái gì không. Tính tôn giáo cổ điển từ thời Phục hưng và thời Cải cách đã được lập thành theo cách luôn luôn phân biệt rất rõ rệt nhân quan thần học và nhân quan thế giới, trong đó nhân quan thần học được coi trọng hơn. Tiếp đó, chủ nghĩa bí truyền đích thực được hình thành (phải đến thế kỉ XIX mới xuất hiện danh từ). Cho đến thế kỉ XVI, những hình thức của tư duy và tưởng tượng thuộc trường phái bí truyền - đi tìm sự hiểu biết - là những bộ phận nằm trong thần học của tôn giáo quan phương. Nhưng từ đó trở đi tất cả cái gì có liên quan đến trường phái thần bí đều bị gạt ra khỏi Kitô giáo và khái niệm tôn giáo. Vậy mà ngày nay, cùng với sự mất quyền uy lớn lao của Kitô giáo và sự lên giá của các thuyết tiên tri mô phạm ít quan tâm đến đạo đức hơn là đến sự hiểu biết và các phương pháp luận tinh thần của sự biến cải bản thân, liên theo đó là sự từ bỏ ngày càng tăng cái ý tưởng phục tùng ý Chúa, sự thăng cấp của chủ nghĩa ý chí, thì tất cả những gì liên quan đến thuyết bí truyền, thuyết thần bí, ma thuật đã không còn dứt khoát như trước đây bị gạt ra khỏi mọi định nghĩa bằng những từ ngữ của "tôn giáo" - Điều này đã được thể hiện rất rõ trong các cuộc tranh luận xung quanh OTS. Thật vậy, nhóm phụ tử của dòng Thánh chiến, nhóm ma thuật, nhóm khai tâm không những không được coi là ở ngoài địa hạt tôn giáo mà còn được coi là chuyên gia về thần học. Rõ ràng là tôn giáo không còn được coi là duy nhất bị loại ra khỏi mọi hình thức nhóm của các nhóm khai tâm hay của những nhóm của sự thông thái.

Một yếu tố khác, thuộc loại khác hẳn còn góp thêm vào sự giảm nhẹ các luật lệ hiện tại của "địa hạt tôn giáo cổ điển" (tôi để dấu

ngoặc kép ở đây vì đó chỉ là một cách dùng chữ tạm thời mà tôi sẽ còn trở lại). Đó là tình huống mới của sự quốc tế hóa tôn giáo hiện nay. Sự quốc tế hoá tôn giáo không phải là một sự kiện mới; nhưng ngày nay nó không chỉ đạt tới một tầm rộng chưa từng có, mà nó còn triển khai một cách khác trước. Trước hết nó không còn phụ thuộc vào những lí lẽ của từng địa hạt, những mối quan hệ của sức mạnh liên chính phủ, mà là phụ thuộc vào cái lô gích của các mạng lưới xuyên quốc gia, bị chi phối một cách rộng rãi bởi "các nhu cầu" của các nhóm xã hội và các cá nhân, những sự tìm kiếm khác nhau, nhất là sự tìm kiếm cái đồng nhất. Cái mới mẻ cũng còn nằm trong sự chuyển dịch từ sự thế giới hoá sang hợp nhất hoá về tôn giáo trong bối cảnh của một nền kinh tế hợp nhất, tức là một nền kinh tế có thể vận hành như một đơn vị trong thời gian thực hữu ở tầm vóc của hành tinh nhờ vào những kĩ thuật mới về tin học và truyền thông. Các tôn giáo được hợp nhất hoá trong chừng mực mà, ở tầm vóc thế giới, nó tự hoà nhập và đáp ứng những cái lô gích của thị trường bằng cách khuyến khích những cuộc vận động cạnh tranh nhằm vào sự hoàn thiện những sản phẩm tiêu chuẩn hoá có thể trao đổi trong thời gian thực hữu. Trong số những hậu quả, người ta cũng quan sát thấy một sự phát triển đáng kể trong tất cả các nước cái tình trạng đa nguyên về tôn giáo, tới mức là tất cả mọi tôn giáo trên thế giới đều hiện diện trên toàn thế giới.

Khoảng rộng của ...? dấu hỏi: từ nay khó mà có thể còn nói đến cái "địa hạt tôn giáo" như là một lĩnh vực hoạt động tách biệt và tự có một sự điều chỉnh riêng, rất đặc thù (một thực tế thường xuyên, không ngừng và ngày càng tự khẳng định kể từ lúc ra đời của đạo Kitô). Cuối cùng, chính vì thế mà ở đây tôi nói về "sự chuyển dịch" và về "hoàn cảnh xã hội - tôn giáo" thay vì "địa hạt tôn giáo" như tôi đã từng nói./.

Người dịch: Nguyễn Văn Kiệm